TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15/8/2018
Về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Phạm Thị Xuân Hương**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đình Hoa**
Ông **Đặng Minh Trí**

- Thư ký phiên toà: Bà **Phạm Thái Trâm Anh** - Thư ký Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng, Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 193/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Kim N**, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Võ Thành T**, sinh năm 1993; Địa chỉ: Kiệt 142/18 đường A, tổ 47 (tổ 40C cũ), phường K, quận L, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa Lê Thị Kim N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Võ Thành T đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Liên, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng không sống chung với nhau mà tôi sống chung với mẹ tôi, ông T sống chung với cha mẹ ông T. Từ tháng 9 năm 2017 đến tháng 5 năm 2018 vợ chồng sống chung tại nhà cha mẹ ông T tại kiệt 142/18 đường A, tổ 47 (tổ 40C cũ), phường K, quận L, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn và sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay, nguyên nhân là do tính tình, quan điểm sống không hợp, ông T suốt ngày chơi game, nhậu nhẹt, không chịu lao động kiếm tiền, không có trách nhiệm với vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi vả, sống không hạnh phúc. Nay tình trạng hôn nhân đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, tôi không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Toà án giải quyết cho tôi được ly hôn.

Về con chung: Tôi và ông Võ Thành T có 01 con chung tên Võ Ngọc An N - sinh ngày 27 tháng 5 năm 2017. Hiện tại con chung Võ Ngọc An N đang sống chung với tôi. Ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi và ông Võ Thành T không có tài sản chung.

Về nợ chung: Tôi và ông Võ Thành T không nợ chung.

Bị đơn ông Võ Thành T đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA VỤ ÁN:

C¨n cø c¸c tµi liÖu, chøng cø cã trong hå s¬ vô ¸n, đã được thÈm tra t¹i phiªn tßa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhËn ®Þnh:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp về ly hôn, nuôi con giữa nguyên đơn bà Lê Thị Kim N với bị đơn ông Võ Thành T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại các Điều 208, 209,

210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Bị đơn ông Võ Thành T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự nhưng trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa ông Võ Thành T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông Võ Thành T.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim N đối với ông Võ Thành T thì thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Kim N và ông Võ Thành T đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng, hôn nhân tự nguyện. Trong quá trình giải quyết vụ án, chính quyền địa phương xác nhận mâu thuẫn giữa bà Lê Thị Kim N và ông Võ Thành T đã thực sự trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi vả và hai bên gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Lê Thị Kim N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà Lê Thị Kim N xác nhận bà và ông Võ Thành T có 01 con chung tên Võ Ngọc An N - sinh ngày 27 tháng 5 năm 2017. Hội đồng xét xử xét thấy cháu Võ Ngọc An N dưới 36 tháng tuổi, mặt khác ông Võ Thành T không có văn bản trình bày ý kiến, tại phiên tòa ông Võ Thành T không có mặt để trình bày nguyện vọng của mình về việc nuôi con chung, cũng như không chứng minh được điều kiện nuôi con. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim N về việc nuôi con, giao cháu Võ Ngọc An N cho bà Lê Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với các Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, ông Võ Thành T không cấp dưỡng nuôi con chung do bà Lê Thị Kim N không yêu cầu. Trong trường hợp bà Lê Thị Kim N và ông Võ Thành T có tranh chấp về việc thay đổi người nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung (tại thời điểm con chung chưa đủ 18 tuổi) thì sẽ được Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác khi các bên có yêu cầu.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị Kim N xác nhận bà và ông Võ Thành T không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà Lê Thị Kim N xác nhận bà và ông Võ Thành T không nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Lê Thị Kim N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị Kim N đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 2904 ngày 22 tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng. Bà Lê Thị Kim N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 81 và 82 Luật hôn nhân, gia đình năm 2014;

- Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc *"*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*"* của bà Lê Thị Kim N đối với ông Võ Thành T.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Kim N được ly hôn ông Võ Thành T.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung Võ Ngọc An N - sinh ngày 27 tháng 5 năm 2017 cho bà Lê Thị Kim N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, ông Võ Thành T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị Kim N xác nhận bà và ông Võ Thành T không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Lê Thị Kim N xác nhận bà và ông Võ Thành T không nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), bà Lê Thị Kim N phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị Kim N đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 2904 ngày 22

tháng 5 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận L, thành phố Đà Nẵng. Bà Lê Thị Kim N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án:

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được (hoặc niêm yết) kết quả xét xử tại nơi cư trú.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 06, 07 và 09 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND q. Liên Chiểu;
- Chi cục Thi hành án dân sự q.;
- UBND x. H, h. H, TP Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Xuân Hương